

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng**
Ngành đào tạo: **Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh**
Tên tiếng Anh: **Theory and Methodology of English Language Teaching**
Mã ngành: **8140111**
Hình thức đào tạo: **Chính quy; Vừa làm vừa học**

Bình Định, 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3216/QĐ-ĐHQN ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng
Ngành đào tạo: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh
Tên tiếng Anh: Theory and Methodology of English Language Teaching
Mã ngành: 8140111
Hình thức đào tạo: Chính quy; Vừa làm vừa học

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên trình độ Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh những kiến thức vững vàng về lý thuyết giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng cùng với những kỹ năng và kinh nghiệm thực tế trong sử dụng ngoại ngữ, nghiên cứu và thực hành giảng dạy ngoại ngữ.

1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Chương trình thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh giúp học viên có trình độ cao về kiến thức, kỹ năng, và mức độ tự chủ và trách nhiệm để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, và giáo dục. Cụ thể:

- Về kiến thức:

+ PO1: Có kiến thức cơ sở và chuyên sâu về lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh;

+ PO2: Có kiến thức về lĩnh vực ngôn ngữ thứ nhất và thứ 2; ngoại ngữ 2, kiến thức về ngữ dụng, ngôn ngữ ứng dụng và các kiến thức ngôn ngữ khác;

+ PO3: Có kiến thức về thiết kế chương trình giảng dạy phù hợp cho từng đối tượng;

+ PO4: Có kiến thức về kiểm tra và đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh.

- Về kỹ năng

+ PO5: Có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề trong lĩnh vực phương pháp giảng dạy tiếng Anh;

+ PO6: Có khả năng xây dựng và thực hiện các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ của khoa học nói chung và nghiên cứu ngôn ngữ nói riêng vào thực tế giảng dạy;

+ PO7: Có khả năng thiết kế chương trình giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với từng đối tượng học sinh.

- *Về mức tự chủ và trách nhiệm*

+ PO8: Có khả năng độc lập nghiên cứu và truyền đạt kiến thức.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

2.1. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh có thể đảm nhận các vị trí:

- Giáo viên tiếng Anh ở các trường tiểu học, THCS, THPT, CĐ và ĐH;
- Giáo viên giảng dạy tiếng Anh tại các trung tâm ngoại ngữ;
- Chuyên viên, quản lý ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến tiếng Anh.

2.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

Tích lũy và vận dụng được kiến thức đã học để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

3.1. Về kiến thức

+ *Kiến thức cơ sở*

1) PLO1: Ứng dụng được kiến thức về ngôn ngữ học ứng dụng, ngữ dụng học, và giao tiếp giao văn hóa trong dạy ngoại ngữ;

2) PLO2: Sử dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục;

+ *Kiến thức chuyên sâu của ngành*

3) PLO3: So sánh được các lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh;

4) PLO4: Vận dụng được kiến thức về việc đặc thù ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ 2 trong công tác giảng dạy và nghiên cứu;

5) PLO5: Xây dựng được chương trình đào tạo theo định hướng phát triển năng lực và có kiến thức về kiểm tra đánh giá năng lực người học.

3.2. Về kỹ năng

+ *Kỹ năng chung*

6) PLO6: Ứng dụng được kiến thức về giáo dục của thế giới và các nước trong khu vực vào trong giảng dạy, công việc và cuộc sống;

7) PLO7: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ hai ở bậc 4 trong khung ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt nam;

+ *Kỹ năng chuyên môn*

8) PLO8: Giải quyết được các vấn đề chuyên môn thuộc ngành Lý luận và phương

pháp dạy học bộ môn tiếng Anh;

9) PLO9: Ứng dụng được công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu; có khả năng thực hiện các nghiên cứu thực tiễn lớp học;

10) PLO10: Vận dụng được kiến thức đã học để phát triển kỹ năng ngôn ngữ cho người học;

3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

11) PLO11: Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho bản thân để có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về những vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn;

12) PLO12: Phát huy được trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

4. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh;

- Có trình độ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành phù hợp:

TT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học phù hợp	Ghi chú
1	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	- Sư phạm Tiếng Anh - Ngôn ngữ Anh	

- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành cần bổ sung kiến thức: Danh mục ngành cần bổ sung kiến thức và học phần cần học bổ sung kiến thức bao gồm:

TT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành cần bổ sung kiến thức	Học phần bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	- Sư phạm Nga-Anh, - Sư phạm Pháp-Anh, - Sư phạm Trung-Anh, - Cử nhân Nga - Anh, - Cử nhân Pháp-Anh, - Cử nhân Trung-Anh <i>Những ngành khác thì xem xét từng trường hợp</i>	- Nghe nâng cao - Nói nâng cao - Viết nâng cao - Đọc nâng cao - Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Tùy trường hợp cụ thể Khoa đề xuất lựa chọn số lượng HP bổ sung kiến thức

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn ban hành kèm theo Quyết định số 2705/QĐ-ĐHQN ngày 21/10/2021).

6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ

6.1. Thời gian đào tạo: 2 năm

6.2. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ (bao gồm 06 tín chỉ thực tập và 09 tín chỉ Đề án tốt nghiệp)

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Phần kiến thức chung	7
Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	53
- Các học phần bắt buộc	23
- Các học phần tự chọn	15
-Thực tập	6
- Luận văn/đồ án thay thế/khác	9
Tổng	60

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường Đại học Quy Nhơn; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ, THANG ĐIỂM

8.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

8.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

- Học phần lý thuyết:

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Đánh giá quá trình	- Chuyên cần và tham gia thảo luận trên lớp của học viên. - Học viên làm các bài kiểm tra trong suốt quá trình học tập; tiêu chí đánh giá các bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể).	30- 50%
2	Cuối kỳ	- Thi kết thúc học phần; - Hình thức thi: Viết/Vấn đáp/Tiểu luận...; - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	50-70%

- Học phần thực tập chuyên môn

Sử dụng thang điểm 10 cho chấm bài báo cáo. Tiêu chí đánh giá được nêu cụ thể trong M4 của học phần.

- Học phần đề án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong M4 của học phần.

8.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và đánh giá tổng kết (Summative Assessment) và được quy định cụ thể trong bản mô tả chương trình đào tạo của ngành.

9. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng kiến thức			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT			
I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG					7	6	1			
I.1. Triết học										
1	XHTH	501	Triết học	1	4	4			K. LLCT-Luật&Q LNN	
I.2. Ngoại ngữ										
2	TANN	502	Ngoại ngữ 2 (second foreign language) (Tiếng Pháp-French/ Tiếng Trung- Chinese)	1	3	2	1		K. Ngoại ngữ	

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ					16					
II.1. Phần bắt buộc					9	6	3			
3	TAPP	505	Phương pháp nghiên cứu (Research Methods)	1	3	2	1		K. Ngoại ngữ	
4	TAVK	507	Tiếng Anh viết văn bản khoa học (Academic Written English)	1	3	2	1		K. Ngoại ngữ	
5	TAUD	513	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	1	3	2	1		K. Ngoại ngữ	
II.2. Phần tự chọn					7					
<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>					2	1	1			
6	PPDT	508	Lý thuyết dịch thuật (Translation Theories)	1	2	1	1		K. Ngoại ngữ	
7	PPVH	510	Ngôn ngữ và phê bình văn học (Language and Literacy Criticism)	1	2	1	1		K. Ngoại ngữ	
8	TAGT	521	Nghiên cứu giao tiếp giao văn hóa (Cross-Cultural Communication Studies)	1	2	1	1		K. Ngoại ngữ	
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>					3	2	1			
9	PPĐC	504	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	2	3	2	1		K. Ngoại ngữ	
10	TADH	516	Ngữ dụng học (Pragmatics)	2	3	2	1		K. Ngoại ngữ	
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>					2	1	1			
11	TAXH	506	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	3	2	1	1		K. Ngoại ngữ	
12	PPNA	512	Ngữ âm và âm vị học tiếng Anh (English Phonetics and Phonology)	3	2	1	1		K. Ngoại ngữ	
III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH					22					
III.1. Phần bắt buộc					14	9	5			
13	PPĐT	503	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition)	2	2	1	1		K. Sư phạm	
14	PPLL	514	Lý luận và thực hành giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ	2	4	3	1		K. Sư phạm	

			ngữ (Theories and Practice of Teaching English as a Foreign Language)						
15	PPPT	515	Phát triển chương trình đào tạo (Curriculum Deveelopment)	2	3	2	1		K. Sur pham
16	PPKT	509	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ (Language Testing and Assessment)	2	3	2	1		K. Sur pham
17	PPCN	517	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ (ICT in Language Teaching)	2	2	1	1		K. Sur pham
III.2. Phần tự chọn				8	5	3			
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				3	2	1			
18	PPCM	518	Phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên ngoại ngữ (Professional Development for Language Teachers)	3	3	2	1		K. Sur pham
19	PPTL	519	Ngôn ngữ học tâm lý (Psycholinguistics)	3	3	2	1		K. Sur pham
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				3	2	1			
20	PPTN	520	Ngôn ngữ học tri nhận trong giảng dạy tiếng Anh (Cognitive Linguistics in English Language Teaching)	3	3	2	1		K. Sur pham
21	PPDN	522	Phân tích diễn ngôn phê phán trong giáo dục (Critical Discourse Analysis in Education)	3	3	2	1		K. Sur pham
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				2	1	1			
22	PPKN	523	Phát triển kỹ năng ngôn ngữ (Developing Language Skills)	3	2	1	1		K. Sur pham
23	PPCN	524	Ngữ pháp chức năng trong giảng dạy tiếng Anh (Functional	3	2	1	1		K. Sur pham

			Grammar in English Language Teaching)									
IV. Thực tập				6								
24	PPTT1	525	Thực tập 1 (Practicum 1)	3	3	1	2				K. Sư phạm	
25	PPTT2	526	Thực tập 2 (Practicum 2)	3	3	1	2				K. Sư phạm	
V. Đồ án tốt nghiệp												
26	PPDA	527	Đồ án (Project)	4	9	0	9				K. Sư phạm	
Tổng cộng				60								

Bảng ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra

T T	Tên HP	PLOs											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Triết học											M	M
2	Ngoại ngữ 2 (second foreign language) (Tiếng Pháp- French/ Tiếng Trung- Chinese)							M					
3	Phương pháp nghiên cứu (Research Methods)	M	H	M	M	M	H	M	M	M	M	M	M
4	Tiếng Anh viết văn bản khoa học (Academic Written English)	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M
5	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	H	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M
6	Lý thuyết dịch thuật (Translation Theories)	M	L	L	L	L	L		L	L	L	L	L
7	Ngôn ngữ và phê bình văn học (Language and Literacy Criticism)	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M
8	Nghiên cứu giao tiếp giao văn hóa (Cross-Cultural Communication Studies)	H	M	H	M	M	M	M	H	M	M	M	M
9	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	H	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M
10	Ngữ dụng học (Pragmatics)	H	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M
11	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	H	L	L	L	M	L		L	L	L	M	L
12	Ngữ âm và âm vị học tiếng Anh (English Phonetics and Phonology)	L	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M
13	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition)	M	H	M	H	M	M		M	M	M	M	M
14	Lý luận và thực hành giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ (Theories and Practice of Teaching English as a Foreign Language)	M	M	H	M	M	M		H	M	M	M	M

15	Phát triển chương trình đào tạo (Curriculum Deveelopment)	M	M	M	M	H	M		M	M	M	M	M
16	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ (Language Testing and Assessment)	M	M	M	M	H	M		M	M	M	M	M
17	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ (ICT in Language Teaching)	L	M	H	H	L	M		M	H	L	M	M
18	Phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên ngoại ngữ (Professional Development for Language Teachers)	M	M	M	M	M	M		H	M	M	H	H
19	Ngôn ngữ học tâm lý (Psycholinguistics)	H	L	M							L	L	L
20	Ngôn ngữ học tri nhận trong giảng dạy tiếng Anh (Cognitive Linguistics in English Language Teaching)	H	M	M	M	M	L		M	M	L	M	M
21	Phân tích diễn ngôn phê phán trong giáo dục (Critical Discourse Analysis in Education)	H		M			H		H			M	M
22	Phát triển kỹ năng ngôn ngữ (Developing Language Skills)		M	M	M	M	M		H		H	M	
23	Ngữ pháp chức năng trong giảng dạy tiếng Anh (Functional Grammar in English Language Teaching)			H					M		M		
24	Thực tập 1 (Practicum 1)	H	H	H	H	H	H		H	H	H	H	H
25	Thực tập 2 (Practicum 2)	H	H	H	H	H	H		H	H	H	H	H
26	Đồ án (Project)	H	H	H	H	H	H		H	H	H	H	H

10. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo (học kỳ)				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG				7						
1	XHTH	501	Triết học	4	4				-PGS.TS. Đoàn Thế Hùng -TS. Tăng Văn Thạnh -TS. Nguyễn Thị Ngọc Thùy	Khoa LLCT-Luật-QLNN
2	TANN	502	Ngoại ngữ 2 (second foreign language) (Tiếng Pháp-French/ Tiếng Trung-Chinese)	3	3				TS. Nguyễn Thị Ái Quỳnh/ ThS. Hồ Phương Tâm	K. Ngoại ngữ

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ				16						
II.1. Phần bắt buộc				9						
3	TAPP	505	Phương pháp nghiên cứu (Research Methods)	3	3				- TS. Lê Nhân Thành - TS. Võ Ngọc Hồi - PGS.TS. Trịnh Quốc Lập	K. Ngoại ngữ
4	TAVK	507	Tiếng Anh viết văn bản khoa học (Academic Written English)	3	3				- PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hiền - TS. Võ Ngọc Hồi	K. Ngoại ngữ
5	TAUD	513	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	3	3				- GS.TS. Hoàng Văn Vân - TS. Hà Thanh Hải - PGS. TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật -TS. Nguyễn Tiến Phùng	K. Ngoại ngữ
II.2. Phần tự chọn				7						
<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>				2						
6	PPDT	508	Lý thuyết dịch thuật (Translation Theories)	2	2				TS. Lê Nhân Thành	K. Ngoại ngữ
7	PPVH	510	Ngôn ngữ và phê bình văn học (Language and Literacy Criticism)	2	2				-TS. Lê Nhân Thành	K. Ngoại ngữ
8	TAGT	521	Nghiên cứu giao tiếp giao văn hóa (Cross-Cultural Communication Studies)	2	2				- TS. Trương Văn Định - TS. Nguyễn Tiến Phùng	K. Ngoại ngữ
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				3						
9	PPĐC	506	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	3		3			- PGS.TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật	K. Ngoại ngữ
10	TADH	516	Ngữ dụng học (Pragmatics)	3		3			- PGS.TS. Nguyễn Quang Ngoan - TS. Trương Văn Định	K. Ngoại ngữ
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				2						
11	TAXH	506	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	2			2		- TS. Bùi Thị Đào - TS. Nguyễn Tiến Phùng	K. Ngoại ngữ
12	PPNA	512	Ngữ âm và âm vị học tiếng Anh (English Phonetics and Phonology)	2			2		- PGS. TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật	K. Ngoại ngữ

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH				22						
III.1. Phần bắt buộc				14						
13	PPĐT	503	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition)	2		2			- TS. Võ Duy Đức - PGS.TS. Nguyễn Quang Ngoạn	K. Sư phạm
14	PPLL	514	Lý luận và thực hành giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ (Theories and Practice of Teaching English as a Foreign Language)	4		4			-TS. Võ Duy Đức - TS. Võ Thị Thanh Diệp	K. Sư phạm
15	PPPT	515	Phát triển chương trình đào tạo (Curriculum Deveelopment)	3		3			- PGS.TS. Nguyễn Quang Ngoạn - TS. Võ Duy Đức	K. Sư phạm
16	PPKT	509	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ (Language Testing and Assessment)	3		3			- TS. Lê Nhân Thành - PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	K. Sư phạm
17	PPCN	517	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ (ICT in Language Teaching)	2		2			- TS. Nguyễn Tiến Phùng - TS. Võ Thị Thanh Diệp -PGS.TS. Nguyễn Văn Long	K. Sư phạm
III.2. Phần tự chọn				8						
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				3						
18	PPCM	518	Phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên ngoại ngữ (Professional Development for Language Teachers)	3			3		- PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hiền - TS. Võ Thị Thanh Diệp - PGS.TS. Trương Viên	K. Sư phạm
19	PPTL	519	Ngôn ngữ học tâm lý (Psycholinguistics)	3			3		- TS. Bùi Thị Đào	K. Sư phạm
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				3						
20	PPTN	520	Ngôn ngữ học tri nhận trong giảng dạy tiếng Anh (Cognitive Linguistics in English Language Teaching)	3			3		TS. Hà Thanh Hải	K. Sư phạm

21	PPDN	522	Phân tích diễn ngôn phê phán trong giáo dục (Critical Discourse Analysis in Education)	3			3	- PGS. TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật - PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	K. Sư phạm
Chọn 1 trong 2 học phần				2					
22	PPKN	523	Phát triển kỹ năng ngôn ngữ (Developing Language Skills)	2			2	- TS. Hà Thanh Hải - TS. Nguyễn Tiến Phùng	K. Sư phạm
23	PPCN	524	Ngữ pháp chức năng trong giảng dạy tiếng Anh (Functional Grammar in English Language Teaching)	2			2	TS. Nguyễn Tiến Phùng	K. Sư phạm
IV. Thực tập				6					
24	PPTT1	525	Thực tập 1 (Practicum 1)	3			3	- TS. Võ Thị Thanh Diệp - TS. Võ Duy Đức - PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền - PGS. TS. Nguyễn Quang Ngoạn	K. Sư phạm
25	PPTT2	526	Thực tập 2 (Practicum 2)	3			3	- TS. Võ Thị Thanh Diệp - TS. Võ Duy Đức - PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền - PGS. TS. Nguyễn Quang Ngoạn	K. Sư phạm
V. Đồ án				9					
26	PPDA	527	Đồ án (Project)	9			9	Theo phân công	K. Sư phạm
Tổng cộng				60	18	17	16	9	

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh Khoá 24 (đợt tuyển sinh sau ngày 15/10/2021) cho học viên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh.

- Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa quản lý chuyên môn sẽ tư vấn cho học viên chọn những học phần thích hợp.

- Trường khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

- Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật ít nhất 2 năm một lần, đáp ứng sự phát triển của ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội./.

Bình Định, ngày 03 tháng 12 năm 2021

TRƯỜNG KHOA

TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC *KI. HIỆU TRƯỞNG*



TS. Trần Đình Lương

PGS.TS. Hồ Xuân Quang

PGS.TS. Đoàn Đức Tùng